

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 10 - 2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung và bà Ngô Thị Như Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07/7/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/ QĐXXST-HNGĐ ngày 13/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu **B**, sinh năm 1985.

ĐKHKT: xóm TM, xã QT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn **G**, sinh năm 1984.

ĐKHKT: xóm TM, xã QT, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Bình trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn **G** kết hôn từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã YQ (nay là xã QT), thành phố Hòa Bình, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng có cuộc sống bình thường cho đến năm 2020 anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến đảo lộn cuộc sống gia đình. Nguyên nhân là trong quá trình làm ăn, xây dựng kinh tế vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh **G** còn nghi ngờ chị ngoại tình mặc dù không có căn cứ dẫn đến việc vợ chồng cãi vã, anh **G** có hành vi bạo lực với chị. Gia đình hai bên đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Đến nay tình cảm không còn, anh chị đã sống ly thân nên xin được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có hai con là Nguyễn Thiên Hoàng Q, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Q1, sinh ngày 21/12/2011. Khi ly hôn chị đề nghị giao cả hai cháu cho anh **G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: vợ chồng chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày:

Xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn như chị **B** khai là đúng. Tuy nhiên từ khoảng cuối năm 2019, anh đi làm ăn xa nhà, chị **B** ở nhà bỏ bê công việc gia đình, kinh doanh. Sau đó anh có nghe nhiều người nói rằng chị **B** có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mặc dù tình cảm vợ chồng đã không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì muốn hai vợ chồng cùng chung sống để nuôi dạy con cái khôn lớn.

Về con chung: anh **G** xác nhận vợ chồng có hai con là Nguyễn Thiên Hoàng Q, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Q1, sinh ngày 21/12/2011.

Về các vấn đề khác như nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, vì anh xin đoàn tụ gia đình nên anh chưa có ý kiến gì về vấn đề này.

Biên bản lấy lời khai ngày 13/10/2021 đối với bà Đinh Thị D (mẹ đẻ chị **B**), chị Nguyễn Thị Ph (em gái chị **B**) và chị Nguyễn Thị C (hàng xóm gia đình chị **B** anh **G**) cho biết: Quá trình chung sống chị **B** anh **G** có mâu thuẫn vào khoảng cuối năm 2020, anh **G** cũng có tát chị **B** không rõ lý do, từ đó vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không ăn cùng nhau, không ở cùng nhau cho đến nay. Việc mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm là đã có lúc chị **B** đã uống thuốc sâu tự tử.

Tại biên bản xác minh ngày 13/10/2021, đại diện xóm TM cũng xác nhận vợ chồng chị **B** anh **G** có mâu thuẫn, nguyên nhân qua nắm bắt thông tin được biết là do có việc ngoại tình nên chị **B**, anh **G** đã sống ly thân một thời gian. Hiện chị **B** mới quay về vợ chồng ở với nhau.

Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định và 02 lần hòa giải cho hai bên đương sự nhưng không thành, do đó vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của chị **B** vẫn kiên quyết xin được ly hôn.

Ý kiến của anh **G** xin được đoàn tụ gia đình. Nếu phải ly hôn về con chung anh cũng xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu chị **B** cấp dưỡng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Thu **B** được ly hôn anh Nguyễn Văn **G**. Về con chung: giao hai con chung là Nguyễn Thiên Hoàng Q, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Q1, sinh

ngày 21/12/2011 cho anh **G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu **B** có đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn là anh Nguyễn Văn **G**, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm TM, xã QT, TP Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu **B** và anh Nguyễn Văn **G** có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2008 tại UBND xã YQ, huyện LS (nay là xã QT, thành phố Hòa Bình), tỉnh Hòa Bình trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam.

Đánh giá về mâu thuẫn vợ chồng, HĐXX nhận thấy: Qua lời khai của các đương sự và các biên bản lấy lời khai của người làm chứng đều thể hiện cuộc sống vợ chồng chị **B** anh **G** có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do nghi ngờ ngoại tình, ghen tuông không có căn cứ nên vợ chồng đã có xô xát. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn ăn chung, ngủ chung với nhau. Lần thứ nhất ly hôn đã được Tòa án hòa giải nên chị **B** đã rút đơn về đoàn tụ, tuy nhiên tình trạng hôn nhân không được cải thiện, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn nên chị **B** đã phải làm đơn ly hôn lần thứ hai.

Điều này đã khẳng định hôn nhân của chị **B**, anh **G** không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thu **B** được ly hôn anh Nguyễn Văn **G**.

2.2. Về con chung: vợ chồng có hai con là Nguyễn Thiên Hoàng Q, sinh ngày 14/3/2009 và Nguyễn Q1, sinh ngày 21/12/2011. Theo ý kiến của nguyên đơn, chị **B** đề cho anh **G** trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục cả hai con. Đồng thời qua biên bản lấy lời khai của cháu Q1 và cháu Q đều có nguyện vọng xin được ở với bố. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Thiên Hoàng Q và cháu Nguyễn Q1 cho anh **G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn có ý kiến vợ chồng tự thỏa thuận, bị đơn chưa đưa ra ý kiến nên Tòa chưa xem xét.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các bên đương sự có ý kiến tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết vấn đề này.

2.4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu **B** được ly hôn anh Nguyễn Văn **G**.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên Hoàng Q, sinh ngày 14/3/2009 và cháu Nguyễn Q1, sinh ngày 21/12/2011 cho anh Nguyễn Văn **G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị **B** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu **B** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nay được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thành phố Hòa Bình, theo biên lai thu số: 0004421, ngày 07/7/2021. Xác nhận chị **B** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **B**, anh **G** có quyền kháng cáo với thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TP Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- UBND xã QT;
- Chi cục THADS TPHB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Trường Sơn